

Số: 1694/2022/QĐST- HNGĐ

Gò Vấp, ngày 09 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1276/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/08/2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Thiện A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số x đường A, Khu phố 7, phường B, Quận C, Thành phố H.

- Bà Phạm Thị Mai T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số xx Đường D, Phường E, quận F, Thành phố H

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thiện A và bà Phạm Thị Mai T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 170/2009 Quyền số 01/F4 đăng ký ngày 29/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận K, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 11 tháng 08 năm 2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 11 năm 2022, ông A và bà T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là: Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/03/2012 hai bên thỏa thuận giao cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thiện A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến tuổi trưởng thành. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01 năm 2023.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông A và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Thiện A và bà Phạm Thị Mai T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 170/2009 Quyền số: 01/F4 đăng ký ngày 29/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận K, Thành phố H cấp cho ông A và bà T hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là: Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/03/2012 do bà Phạm Thị Mai T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thiện A cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/03/2012 mỗi tháng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến tuổi trưởng thành. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01 năm 2023.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không xét.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Thiện A và bà Phạm Thị Mai T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông A và bà T đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2021/0049117 ngày 25 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**